

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29-7-2022  
V/v tranh chấp cấp dưỡng nuôi  
con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phan Thị Trang Phượng.

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về “tranh chấp cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Dương Kiều T, sinh năm 1982.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1952 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm SP, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm SP, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2022 của chị Dương Kiều T và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Trước đây chị T và anh T1 là vợ chồng, có 02 con chung tên Nguyễn Thị T Quỳnh sinh ngày 25/5/2005 và Nguyễn Thị Trúc X sinh ngày 08/3/2008. Đến năm 2016 chung sống không hạnh phúc nên thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2016/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2016, về con chung và cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Thời điểm này anh T1 và chị T thỏa thuận giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh T1 cấp dưỡng nuôi con theo khả năng. Anh T1 bắt đầu giao con cho bà và chị T nuôi dưỡng từ ngày 18/11/2018 cho đến nay. Tuy nhiên, anh T1 thực hiện không đúng thỏa thuận, chỉ cấp dưỡng nuôi con tổng cộng bằng 27.500.000 đồng thì ngưng không cấp dưỡng trong khi chi phí nuôi dưỡng 02 con đang đi học ngày càng cao.

Do đó, nay tại phiên tòa chị T khởi kiện yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2019 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*\* Tại biên bản hòa giải ngày 01/4/2022 và bản tự khai ngày 01/4/2022 bị đơn anh Nguyễn Quốc T1 trình bày:* Anh và chị Dương Kiều T là vợ chồng và đã được Tòa án nhân dân huyện Năm Căn giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2016/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2016, về con chung và cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn 02 con chung sống cùng chị T và bà Nguyễn Hoàng A (bà ngoại của hai cháu). Trong thời gian này anh có gửi tiền cho 02 con nhiều lần như đưa cho bà Anh, đưa cho 02 con, có mua quần áo và cho tiền xài tết. Hiện nay anh đã có gia đình riêng, có con nhỏ, thu nhập của anh còn thấp và không ổn định nên không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T, chỉ gửi tiền theo khả năng của anh. Trường hợp chị T không nuôi được 02 con thì giao con cho anh nuôi dưỡng và anh không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự.

+ Về nội dung đề xuất: Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án.

Án phí dân sự sơ thẩm anh T1 phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là đúng quy định.

[2] Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2016/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn có nội dung công nhận anh T1 và chị T thuận tình ly hôn; về con chung tên Nguyễn Thị Trúc Q sinh ngày 25/5/2005 và Nguyễn Thị Trúc X sinh ngày 08/3/2008 thì anh T1 và chị T thỏa thuận việc nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy Quyết định số 65/2016/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2016 không giao

con cụ thể cho chị T hoặc anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng qua xác minh thể hiện sau khi anh T1 và chị T ly hôn thì cháu Q và cháu X sống cùng gia đình chị T do bà Nguyễn Hoàng A (mẹ ruột chị T) nuôi dưỡng, hiện hai cháu vẫn phát triển và được đi học bình thường; vấn đề này anh T1 cũng thừa nhận sau khi ly hôn hai con chung do chị T nuôi dưỡng cho đến nay. Do đó, có căn cứ cho rằng sau khi anh T1 và chị T ly hôn thì 02 con chung do chị T nuôi dưỡng từ ngày 18/11/2018 cho đến nay vẫn đảm bảo cho hai cháu được phát triển bình thường.

[3] Về vấn đề nuôi con thì thấy rằng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Qua xác minh nguyện vọng của cháu Q và cháu X đều muốn được tiếp tục sống cùng chị T và bà ngoại. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Q và cháu X và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị T, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của hai cháu và quan hệ tình cảm của hai cháu đối với chị T, giao cháu Q và cháu X cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”* và tại Điều 110 quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con như sau: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*. Đối chiếu điều luật trên, xét thấy anh T1 không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T là có cơ sở được chấp nhận.

[5] Về mức cấp dưỡng thì thấy rằng: Tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết; 2. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Xét thấy, anh T1 không có thu nhập ổn định và chi phí nuôi dưỡng 02 con chung ngày càng cao, do đó cần buộc anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về thời điểm cấp dưỡng thì thấy rằng: Hai con chung do chị T nuôi dưỡng từ ngày 18/11/2018 cho đến nay. Trong thời gian này, chị T xác định anh T1 có cấp dưỡng số tiền 27.500.000 đồng nên được trừ ra; anh T1 không có chứng cứ chứng minh thời điểm chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung và số tiền

đã cấp dưỡng cụ thể như thế nào. Do đó, cần buộc anh T1 cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T tính từ ngày 01/12/2019 cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án.

[8] Về án phí cấp dưỡng nuôi con anh T1 phải chịu theo quy định pháp luật số tiền 300.000 đồng. Chị T được miễn dự nộp án phí nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Giao cháu Nguyễn Thị Trúc Q sinh ngày 25/5/2005 và Nguyễn Thị Trúc X sinh ngày 08/3/2008 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con tên Nguyễn Thị Trúc Q và Nguyễn Thị Trúc X định kỳ hàng tháng, một cháu một tháng bằng 1.000.000 đồng (02 con bằng 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01/12/2019.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm buộc anh Nguyễn Quốc T1 phải chịu 300.000 đồng.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Quốc Kiên**